

Tác động của mối quan hệ văn hóa nội tộc người ở vùng biên giới Việt - Trung đến bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người

Nguyễn Thị Tám*

Nhận ngày 12 tháng 11 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2023.

Tóm tắt: Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Việt - Trung) hiện nay tồn tại đồng thời ba mối quan hệ văn hóa chủ yếu: quan hệ trong nội tộc người, giữa các tộc người và xuyên biên giới. Trong đó, quan hệ văn hóa nội tộc người còn ít được nghiên cứu. Dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa tại địa bàn biên giới đối với các tộc người Tày, Nùng, Hmông, Kinh ở thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng (2022-2023) và một số tư liệu điền dã của tác giả trong thời gian 2019-2023 tại các địa bàn khác, bài viết phân tích mối quan hệ văn hóa nội tộc người, từ đó xem xét những tác động của các mối quan hệ này đến bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các tộc người và xây dựng văn hóa quốc gia vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Từ khóa: Quan hệ tộc người, văn hóa, nội tộc người, biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Phân loại ngành: Nhân học

Abstract: Three primary cultural relations currently exist in the Vietnam-China border, namely intra-ethnic, interethnic, and cross-border relations. Among them, the intra-ethnic ones are still under-researched. Based on the results of fieldwork studying the Tày, Nùng, Hmông, and Kinh ethnic groups in the border area, specifically Tà Lùng town, Quảng Hòa district, Cao Bằng province (2022-2023), as well as the author's fieldwork data from the period 2019-2023 in other areas, the paper analyzes intra-ethnic cultural relations, thereby examining the impacts of the relations on preserving and bringing the cultural values of ethnic groups into play and developing the national culture in the Vietnam - China border area.

Keywords: Ethnic relation, culture, intra-ethnic, Vietnam-China border.

Subject classification: Anthropology

1. Đặt vấn đề

Quan hệ tộc người trong một quốc gia đa dân tộc là vấn đề hết sức quan trọng đối với sự ổn định và phát triển. Kể từ thập niên cuối của thế kỷ XX đến nay, thế giới chứng kiến sự bùng nổ của nhiều cuộc xung đột sắc tộc kết hợp với xung đột tôn giáo, tuy nhiên vẫn chưa có được một giải pháp mang tính khuôn mẫu nhằm giải quyết thỏa đáng mối quan hệ dân tộc ở những nơi đang xảy ra xung đột. Điều đó cho thấy, trong chính sách dân tộc của các quốc gia đa tộc người là phải tự hóa giải những nguy cơ có thể xảy ra xung đột. Ở Việt Nam, vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt.

Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là địa bàn cư trú lâu đời của nhiều tộc người thuộc các nhóm ngôn ngữ: Tày - Thái, Hmông - Dao, Tạng - Miến,... Từ Đổi mới (1986)

* Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: hongtam.ls89@gmail.com

đến nay, quan hệ dân tộc ở vùng này về cơ bản vẫn giữ được sự ổn định, tuy nhiên cũng tiềm ẩn những vấn đề bức xúc mới nảy sinh do tác động của quá trình hội nhập quốc tế, từ thực tiễn phát triển của đất nước và của các yếu tố vùng biên. Những nghiên cứu về mối quan hệ dân tộc của các tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc trước đây đã góp phần làm rõ thực trạng, xu hướng và những yếu tố tác động đến quan hệ tộc người ở một số dân tộc, từ đó đề xuất những kiến nghị, giải pháp nhằm góp phần quản lý và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quan hệ dân tộc. Tuy nhiên, các quan hệ nội tộc người nói chung và quan hệ văn hóa nội tộc người nói riêng mới chỉ được nghiên cứu như là hợp phần lồng ghép, thiếu những phân tích, đánh giá cụ thể, trong khi những biểu hiện của các mối quan hệ này lại đang diễn ra với những hình thức mới, nội dung mới đa dạng và phức tạp. Trong quan hệ văn hóa nội tộc người, sự xung đột, va chạm giữa những giá trị văn hóa truyền thống với những yếu tố văn hóa hiện đại là điều khó tránh khỏi. Những biểu hiện này dù mang tính cục bộ, địa phương nhưng lại có xu hướng tác động tới quan hệ quốc gia dân tộc, bởi văn hóa trong đó bao hàm cả tín ngưỡng tôn giáo tộc người là những vấn đề “nhạy cảm” mà nếu không được “êm xuôi” sẽ trở thành “kẻ hở” để các thế lực thù địch lợi dụng.

Bài viết là một phần kết quả của Đề tài cấp Bộ “Quan hệ dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, chính trị ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay và định hướng đến năm 2030”, do Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì, PGS.TS. Nguyễn Văn Minh làm chủ nhiệm năm 2021-2023. Dựa trên một số tài liệu đã công bố và tư liệu phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm¹ tại thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng trong các đợt điền dã năm 2022-2023.

2. Thực trạng mối quan hệ văn hóa nội tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

2.1. Quan hệ trong nhận thức, thực hành bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa chung của tộc người

Những giá trị văn hóa chung của tộc người được nói đến ở đây là những giá trị văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần của các tộc người ở vùng biên giới Việt - Trung, tuy nhiên dựa trên kết quả khảo sát thực tế tại điểm nghiên cứu, chúng tôi phân tích một số giá trị văn hóa nổi bật thể hiện mối quan hệ văn hóa trong nội bộ tộc người.

Di sản văn hóa đầu tiên là trang phục truyền thống của các tộc người đã có sự biến đổi. Họ mặc quần áo theo xu hướng phổ thông hiện đại, đa phần chất liệu trang phục thường ngày đều được nhập từ Trung Quốc về. Kiểu dáng bắt mắt, màu sắc đa dạng và giá thành rẻ nên người dân ở đây còn giới thiệu hoặc sang bên chợ biên giới mua hộ cho người thân đồng tộc của mình ở huyện khác. Mặc dù không sử dụng hàng ngày, nhưng đa số các gia đình tộc người thiểu số vẫn lưu giữ những bộ quần áo truyền thống. Mỗi phụ nữ đều có ít nhất một bộ để mặc vào dịp Ngày hội Đoàn kết toàn dân, biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10, ngày Quốc tế phụ nữ 8-3. Tuy nhiên, số hộ còn lưu giữ bộ trang phục được

¹ Chúng tôi đã tiến hành 1 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp tỉnh, 1 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp huyện, 1 cuộc thảo luận nhóm cán bộ cấp xã và cá nhân tác giả trực tiếp thực hiện 8 cuộc phỏng vấn sâu người dân tộc thiểu số tại địa phương khảo sát liên quan đến mối quan hệ nội tộc người.

làm theo lối thủ công truyền thống rất ít, chủ yếu là mua vải công nghiệp về cắt may theo kiểu dáng truyền thống, đôi khi trang trí thêm một vài họa tiết màu sắc cho nổi bật. Vải công nghiệp mua bên chợ biên giới Trung Quốc khá rẻ nên người dân vẫn thường mua hộ cho người thân đồng tộc ở địa phương khác. Đối với người Kinh, khi tham gia những ngày hội, biểu diễn văn nghệ, hay khi đi ăn hỏi, đám cưới của con, cháu, chiếc áo dài truyền thống vẫn được những phụ nữ người Kinh lựa chọn mặc. Khi cần may hay mua áo dài, họ thường liên hệ với thợ may hoặc người thân tại quê cũ, gửi số đo và kích cỡ quần áo mình hay mặc để đặt may hoặc nhờ mua, sau đó sẽ nhờ gửi lên qua các dịch vụ giao hàng.

Các loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian của của các tộc người khá đa dạng, mỗi dân tộc có những loại hình nghệ thuật độc đáo riêng, mang đậm bản sắc dân tộc. Người Tày có *lượn, then, lượn cọi, phong shư*, hát *quan làng*, múa châu, múa *khẩu sliều* trong lễ tang...; Người Nùng có hát *hà lều, si giang, đá hai, nàng ỏi*, múa kỳ lân, người Dao có hát *Páo dung*... Tuy nhiên, các loại hình nghệ thuật này không thường xuyên được thực hành, chủ yếu sử dụng trong các lễ hội, nghi lễ. Phụ nữ thường tham gia các hoạt động thi hát dân ca, dân vũ cấp xã, huyện vào dịp Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, những ngày lễ kỷ niệm và biểu diễn tại Ngày hội văn hóa các dân tộc của huyện. Khi tham gia những hoạt động này, người dân được gặp gỡ đồng tộc để giao lưu học hỏi, từ đó thêm yêu quý những giá trị văn hóa truyền thống của tộc người mình.

Thực tế, trước khi dịch Covid-19 diễn ra, lực lượng tham gia những hoạt động biểu diễn các loại hình nghệ thuật dân gian chủ yếu là phụ nữ trung niên, hiếm thấy thanh niên tham gia tập luyện biểu diễn bởi họ còn bận rộn với công cuộc mưu sinh tại cửa khẩu và qua biên giới: “Một ngày họ kiếm được 300-500 nghìn đồng, thậm chí hơn, do vậy rất khó để bảo họ nghỉ làm để đi tập văn nghệ” (Nữ, sinh năm 1972, dân tộc Tày, Tổ dân phố Phia Khoang, thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng). Do vậy, thế hệ trẻ hầu như ít biết đến các làn điệu dân ca, các điệu múa truyền thống của dân tộc mình. Hiện nay, các hoạt động bốc xếp, buôn bán tại biên giới bị đóng cửa, thời gian nhàn rỗi nhiều nên người dân tham gia tích cực hơn vào các hoạt động văn nghệ thể thao của tổ dân phố.

Người Kinh ở các tỉnh khác đến biên giới làm ăn thường cư trú tập trung tại một xóm hoặc tổ dân phố, mỗi khi có dịp biểu diễn văn nghệ, thể thao, phụ nữ trung niên thường dành thời gian tập vào mỗi buổi tối. Những tiết mục mà họ lựa chọn là các bài nhạc cách mạng hoặc dân ca của người Kinh. Khi tìm ý tưởng cho tiết mục biểu diễn, mỗi thành viên của nhóm văn nghệ có thể gọi điện về quê cũ hỏi Chi hội phụ nữ thôn hoặc hội lớp những bài mà họ đã từng biểu diễn: “Đợt tháng 7 vừa rồi, khi các cô tập luyện bài để biểu diễn trong ngày hội đoàn kết của Tổ dân phố, cô lại gọi điện về hỏi bạn cùng lớp cô đang làm Hội trưởng Hội phụ nữ thôn ở Hải Dương quê cô. Nó còn gửi luôn video qua Zalo cho cô bài múa “Đi cấy”, thế là các cô tập theo và biểu diễn luôn” (PVS, nữ, 1964, dân tộc Kinh, Tân Thịnh, thị trấn Tà Lùng, quê cũ ở Kinh Môn, Hải Dương). Ở xa quê hương, những loại hình trình diễn dân gian dù chưa được thực hành thường xuyên tại nơi cư trú mới nhưng phụ nữ trung niên dân tộc Kinh vẫn luôn có ý thức phát huy những nét đẹp văn hóa của tộc người mình. Hoạt động này cũng phần nào giúp họ kết nối với những người thân, bạn bè tại quê cũ, bởi nếu như cuộc sống ở nơi biên cương này khó khăn quá, không còn công ăn việc làm thì họ vẫn còn chónh để lui về.

2.2. Quan hệ trong giao lưu, trao truyền văn hóa giữa các dòng họ, cộng đồng cùng tộc người

Dòng họ của các tộc người có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc bảo tồn, sản xuất, tái sản xuất văn hóa tộc người. Thông qua gia đình, dòng họ, văn hóa tộc người được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và được thấm sâu vào mỗi thành viên. Đối với văn hóa sản xuất, từ hệ thống công cụ, cây trồng, các phương thức và kinh nghiệm canh tác ở các dòng họ đến nay vẫn được bảo tồn và phát triển. Tất cả đều do sự sáng tạo của người dân để thích ứng với điều kiện tự nhiên nơi họ cư trú. Ở các dòng họ thường có người dạy bảo cách làm ăn cho con cháu. Những người già thường trao truyền các phương thức và kinh nghiệm canh tác cho con cháu từ việc chọn thời điểm canh tác, chăm sóc cây trồng đến thu hoạch. Đối với văn hóa vật chất, từ việc ăn, ở, mặc, vận chuyển thì dòng họ cũng có những vai trò nhất định. Đó là sự giúp đỡ, hướng dẫn làm nhà cửa, cách chế biến các món ăn trong dịp lễ, tết, cưới xin, ma chay... Ngôi nhà truyền thống của các tộc người thiểu số vùng biên, ngoài chức năng để ở và sinh hoạt đơn thuần còn là nơi tiến hành nhiều nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng quan trọng. Theo quan niệm của đồng bào, ngôi nhà là nơi trú ngụ của các loại ma (ma cửa, ma bếp, ma cột chính...). Với chức năng như vậy, khi một gia đình nào đó trong dòng họ dựng nhà thì trưởng họ sẽ triệu tập một số thành viên trong họ đến giúp sức. Qua cách làm nhà mới, tính cố kết trong dòng họ được thể hiện rất rõ.

Trong gia đình, việc dựng vợ gả chồng cho con cái có ý nghĩa rất lớn đối với những bậc làm cha, làm mẹ. Đối với dòng họ, đó là một dịp trọng đại kết nạp thêm thành viên mới nên đây cũng là một sự kiện được dòng họ rất quan tâm. Trước khi cử hành hôn lễ, chàng trai và cô gái đều phải giới thiệu người yêu của mình với dòng họ và gia đình. Nếu đạt được sự thỏa thuận giữa đôi bên thì đám cưới mới được tổ chức. Trong tang ma, khi có người qua đời, các gia đình trong dòng họ thường tự nguyện giúp đỡ gia chủ tiền mặt, gạo, rượu, củi để tổ chức. Trong suốt thời gian tổ chức lễ tang, các thành viên trong dòng họ luôn thực hiện một cách nghiêm túc, nhiệt tình những công việc đã được giao như: đào huyệt, mời thầy tào, hậu cần, tiếp khách...

Các dòng họ thường kể cho con cháu nghe về tổ tiên của mình, để con cháu biết rằng, tất cả các dòng họ đều có chung một ông tổ, đều là anh em với nhau nên phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Các yếu tố văn hóa mới, muốn xâm nhập, thông thường phải thông qua sự ủng hộ của trưởng họ. Như vậy, thiết chế dòng họ có vai trò rất lớn trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống của tộc người và trao truyền các giá trị văn hóa cho các thành viên sống trong cộng đồng.

Cùng với sự thay đổi của bối cảnh kinh tế - xã hội, dòng họ trong các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung cũng đang có sự chuyển mình. Các trưởng họ hiện nay đã thêm nhiều nhiệm vụ mới, không chỉ phổ biến luật tục như trước đây mà còn góp phần không nhỏ đưa các chính sách của Đảng và Nhà nước tới các hộ gia đình.

Đối với người Kinh, vốn là dân di cư nên mối quan hệ dòng họ của họ hầu hết ở quê cũ, những hoạt động sinh hoạt trong dòng họ không được thường xuyên và ít gắn kết chặt chẽ như những dòng họ của dân tộc sở tại. Khi dòng họ ở quê có việc quan trọng hay cần đóng góp để tổ chức những hoạt động chung thì những gia đình người Kinh tại đây đều gửi tiền hoặc có một người đại diện trở về quê tham góp.

2.3. Quan hệ trong nhận thức, sinh hoạt/ thực hành tín ngưỡng, bảo tồn và phát huy các giá trị tín ngưỡng truyền thống tộc người

Các dân tộc thiểu số ở địa bàn khảo sát đa phần vẫn duy trì thực hiện các nghi lễ gia đình trong sinh đẻ, tang ma, đám cưới, đầy tháng và mừng thọ, tuy nhiên việc thực hiện các nghi lễ này đã giản tiện khá nhiều do trước Covid-19 người dân bận làm ăn và sự tác động của kinh tế thị trường, sự ảnh hưởng của văn hóa người Kinh. Dù được thực hiện đơn giản hơn so với nghi lễ truyền thống, nhưng khi họ hàng có tổ chức các nghi lễ này thì mỗi hộ gia đình đều bố trí ít nhất một người tham gia để khi “gia đình mình tổ chức mới có người đến dự” (Nữ, sinh năm 1966, dân tộc Tày, tổ dân phố Bó Pu, TT Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng).

Những hộ dân không theo Phật giáo hay Thiên chúa giáo vẫn duy trì thực hành tín ngưỡng truyền thống trong đời sống hàng ngày. Người Tày, Nùng vẫn thờ Thổ công. Miếu là nơi thờ Thổ công và cũng là nơi diễn ra các nghi lễ thờ cúng, vì là vị thần cai quản mọi hoạt động trên mảnh đất mà dân bản sinh sống vậy nên hầu như mọi hoạt động quan trọng người Tày, Nùng đều phải làm lễ xin phép Thổ công. Dịp Tết Nguyên đán là lễ thờ cúng lớn nhất trong năm của người Tày, Nùng, sau đó đến các nghi lễ khác. Trong nghi lễ vòng đời, Thổ công cũng đóng vai trò rất quan trọng. Khi cưới xin, gia chủ phải mang theo chai rượu và nén nhang đến miếu để báo với Thổ công, nếu không thì cuộc hôn nhân sẽ gặp nhiều trắc trở; khi gia đình có người sinh đẻ, gia chủ cũng phải mang theo chai rượu và nén hương đến miếu để báo cáo với Thổ công vì người dân quan niệm thần sẽ phù hộ cho cháu bé mau ăn chóng lớn và trở thành người tốt; khi gia đình có người mất thì phải mang gà, rượu và vàng hương lên báo cho Thổ công, để khi hành lễ thầy Tào còn nhờ Thổ công giúp đỡ. Ngoài ra, khi xây nhà, trong gia đình có người ốm, trong bản có việc mâu thuẫn người Tày, Nùng cũng ra miếu báo cho Thổ công. Trong những trường hợp này, thần là nơi để người dân gửi gắm những hy vọng và miếu là nơi để giải tỏa những tâm tư tình cảm của người dân trong cuộc sống (Lý Viết Trường, 2017: 159).

Trên địa bàn thị trấn Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng có một cơ sở tín ngưỡng rất lớn là Đền thờ Minh Nguyệt thuộc tổ dân phố Phia Khoang do bà con người Nùng xây dựng từ trước năm 1945. Người Nùng thường đến thắp hương vào ngày mùng Một, ngày Rằm hàng tháng và các ngày lễ, tết. Người Nùng cho biết, đền thờ này rất linh thiêng nên người Nùng ở khắp nơi tìm về đây, không chỉ người Nùng Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn mà người đồng tộc ở bên trấn Thủy Khẩu, huyện Long Châu, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc cũng sang hành lễ: “Những năm trước Covid-19, mỗi lần Tết Nguyên đán, đền này đón gần 2.000 người bên Trung Quốc sang thắp hương, họ đi nườm nượp, hành lễ xong họ còn ở lại chơi tết, thăm anh em họ hàng ở bên Tà Lùng rồi mới về” (Nam, sinh năm 1956, dân tộc Nùng, người cầm chìa khóa mở cửa Đền, tổ dân phố Phia Khoang, thị trấn Tà Lùng). Khi được hỏi, người Nùng cho biết, nếu trong họ hàng có người gặp rủi ro hoạn nạn, làm ăn chưa may, hoặc bị ốm đau,... thì họ cũng giới thiệu lên đền sắm lễ thắp hương cầu cúng. Thông qua cơ sở thờ cúng này, mối quan hệ giữa những người trong cùng dân tộc được khăng khít hơn, dù điều kiện địa lý cách xa nhau. Khi gặp khó khăn, dù có thể không giúp được về vật chất nhưng lại có sự động viên về tinh thần, giúp người thân của họ tìm thấy niềm tin vượt qua khó khăn, giúp tình thân của họ ngày càng gắn kết.

Các nghi lễ tín ngưỡng của các tộc người vùng biên giới đóng vai trò quan trọng trong việc tái sản xuất, duy trì, củng cố mối quan hệ dòng họ và sự cố kết cộng đồng trong nội bộ các tộc người. Tuy gọi là “truyền thống” nhưng tín ngưỡng của các tộc người ở vùng biên giới Việt - Trung đã tiếp thu ảnh hưởng đáng kể tín ngưỡng tôn giáo của các tộc người khác. Thêm vào đó, bản thân tín ngưỡng truyền thống trong nội bộ tộc người đã trải qua những biến đổi, như sự suy giảm niềm tin về sự phụ thuộc của cơ thể vào linh hồn và sức mạnh chi phối của các đấng siêu nhiên. Điều đó được chứng minh là khi bị ốm đau bệnh tật, thay vì cúng chữa bệnh, trước hết người dân tự chữa bằng các loại thuốc nam hoặc thuốc tây, sử dụng các dịch vụ y tế và sau cùng nếu không khỏi mới tiến hành các lễ cúng chữa bệnh. Đặc biệt đã có một bộ phận các tộc người Hmông, Tày, Nùng, Kinh tại địa bàn nghiên cứu đã từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo Phật giáo, Công giáo,...

2.4. Quan hệ trong nhận thức, sinh hoạt/ thực hành và truyền bá tôn giáo; bảo tồn và phát huy các giá trị tôn giáo tộc người

Trong đời sống văn hóa tinh thần của các tộc người vùng biên giới Việt - Trung xuất hiện sự xung đột văn hóa ngay trong nội bộ một số tộc người do có sự khác biệt chuyển đổi sinh hoạt tôn giáo. Khi các tôn giáo du nhập vào khu vực biên giới, do tính chất độc thần nên thường có xu hướng phá vỡ tín ngưỡng đa thần, các thành tố văn hóa và tính cố kết cộng đồng khép kín truyền thống trong nội bộ tộc người. Ở một số tộc người Hmông, Dao, Nùng,... đã hình thành các cộng đồng xã hội mới vừa là cộng đồng dân tộc, vừa là cộng đồng tôn giáo, gây ra những tác động đa chiều trong đời sống văn hóa tâm linh của một bộ phận cư dân. Do đó, ban đầu trong quan hệ gia đình và cộng đồng thường xảy ra bất đồng quan điểm giữa những người giữ tín ngưỡng truyền thống và những người theo đạo. Về sau, các tôn giáo đã có sự thích ứng, chấp nhận một số thành tố tín ngưỡng, văn hóa, tập quán truyền thống của tộc người để tồn tại và phát triển, từ đó những hiện tượng mâu thuẫn giảm dần.

Những cộng đồng tôn giáo này một mặt hòa chung với những cộng đồng khác trong xã hội nhưng cũng có sự liên kết riêng giữa những người chung tôn giáo. Sự liên kết này thể hiện qua việc tổ chức sinh hoạt tôn giáo chung tại các điểm Giáo xứ hay Chùa để củng cố, phát triển tổ chức và đức tin tôn giáo; giúp đỡ nhau trong cuộc sống, nhất là những khi gặp khó khăn, rủi ro. Điều này tạo cơ hội cho mối quan hệ của những người cùng tôn giáo được mở rộng hơn, phá vỡ tính cố kết cộng đồng tương đối khép kín, đồng thời cũng là nhân tố gây ra một số mâu thuẫn cục bộ với những người đồng tộc không cùng tín ngưỡng với nhau. Đây là một trong những yếu tố nhạy cảm dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng lôi kéo vào mục đích chính trị.

Giáo xứ Hưng Long của thị trấn Tà Lùng có nguồn gốc từ những cư dân người Kinh ở tỉnh Thái Bình, Hưng Yên lên đây khai hoang từ năm 1910. Sau đó họ đưa dần con cháu lên đây làm ăn sinh sống. Những tín đồ Công giáo người Kinh vẫn giữ mối liên hệ với người thân ở quê cũ, dù có những gia đình lên đây sinh sống 30-40 năm nhưng khi họ hàng ở quê có việc trọng đại thì họ vẫn về hoặc không về được thì gửi tiền. Những ngày Lễ Giáng sinh, Phục sinh họ vẫn gọi điện hỏi han bà con ở quê về không khí tổ chức và cùng chúc mừng nhau. Vẫn có một vài trường hợp nam, nữ giáo dân ở Tà Lùng tìm hiểu và kết hôn với những giáo dân ở quê cũ thông qua những lần về quê thăm họ hàng hoặc đi ăn cưới.

Những tín đồ tôn giáo là người Tày, Nùng ở giáo xứ Hưng Long đều là dân sở tại, thông qua kết hôn với giáo dân người Kinh hoặc tự nguyện gia nhập đã trở thành tín đồ Công giáo. Tuy nhiên, bộ phận giáo dân này vẫn chú ý giữ gìn những nét văn hóa truyền thống của tộc người như: mặc trang phục truyền thống và biểu diễn hát then, sli trong những ngày lễ hội của dân tộc và của tôn giáo. Đồng thời theo các tôn giáo chính thống, tín đồ cũng có nhiều điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp thu những giá trị văn hóa của thế giới bên ngoài thông qua các tài liệu và sinh hoạt tôn giáo, song song khắc phục, hạn chế được lối sống khép kín trong cộng đồng làng và tộc người, xóa bỏ sự phụ thuộc vào những tập tục mang tính “mê tín dị đoan” nặng nề xưa kia như: ma gà, bùa ngải,...

Do chuyển sang tôn giáo khác, vì thế các tín đồ thường cắt đứt niềm tin và thực hành tín ngưỡng truyền thống, biểu hiện là thực hiện nghi lễ “đưa” tổ tiên, thần linh ra khỏi nhà, chỉ tôn thờ các vị thần thánh trong tôn giáo của mình. Do đó, những người vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống thường gọi đây là các đạo “bỏ ông bà tổ tiên”. Thực trạng này làm cho một phần bản sắc văn hóa và các hình thức trao truyền nối tiếp, sáng tạo văn hóa bị suy giảm, gây khó khăn cho công tác bảo tồn và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống của tộc người.

3. Tác động đến bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người và xây dựng văn hóa quốc gia vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

3.1. Đến biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người

Khi các thành viên trong tộc người ở các địa phương giao tiếp, gặp gỡ và chia sẻ kinh nghiệm, họ có thể trao đổi các thông tin văn hóa và tạo ra sự đa dạng trong các giá trị truyền thống. Giao lưu văn hóa giữa những người đồng tộc ở trong nước đã tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các tộc người: Trước hết, giao lưu văn hóa tạo cơ hội để các nhóm tộc người hiểu biết lẫn nhau, học hỏi những cái hay, cái đẹp của nhau, chẳng hạn học cách làm ăn từ những người đồng tộc ở nơi khác,... Từ quan hệ văn hóa, các nhóm tộc người càng có điều kiện thúc đẩy quan hệ kinh tế, trao đổi hàng hóa, nhờ vậy tư duy sản xuất hàng hóa ngày càng được các tộc người tiếp nhận. Thêm vào đó, nhờ quan hệ tộc người mà các sản phẩm văn minh vật chất như: tivi, quạt điện, xe máy... đã có mặt trong đời sống của đồng bào dân tộc. Đó là những nhân tố thúc đẩy biến đổi sản xuất, kích thích lao động theo lối kinh tế thị trường... Và cũng chính nó đang ngày càng lấn át tiềm thức lao động thủ công nhờ trời, lệ thuộc vào tự nhiên của một bộ phận cư dân. Bên cạnh đó, quan hệ tộc người còn góp phần tạo nên một nền văn hóa đa dạng, phong phú và tiên tiến. Các nhóm tộc người trong một dân tộc và giữa các dân tộc ngày càng xích lại gần nhau, học hỏi những cái hay, cái đẹp của nhau.

Tuy nhiên, quan hệ tộc người cũng làm mai một và đứt gãy văn hoá truyền thống. Đây là hệ quả của quá trình quan hệ tộc người giữa các nhóm cư dân, mà chủ nhân của nó tự đánh mất một phần hoặc toàn bộ các yếu tố văn hoá trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội. Nó không phải là quá trình kế thừa, tiếp nhận, loại bỏ và bổ sung để phát triển mà là sự lãng quên, đứt gãy truyền thống. Từ đó dẫn đến hiện tượng cái cũ mất đi, nhưng cái mới chưa hình thành, tạo nên sự hẫng hụt trong đời sống văn hoá mà hậu quả là các giá trị văn hoá của họ bị suy thoái và trở nên nghèo nàn.

Các tộc người ở biên giới Việt - Trung trong những năm gần đây do tác động của các xu hướng quan hệ tộc người đã xuất hiện quá trình mai một và đứt gãy văn hoá truyền thống. Trong đời sống văn hoá vật thể và phi vật thể chúng ta bắt gặp: Nhà ở, trang phục, nghề thủ công truyền thống đang bị mai một và dần bị thay thế bởi những vật liệu, sản phẩm công nghiệp. Ngôn ngữ mẹ đẻ của các tộc người thiểu số được thực hành cùng ngôn ngữ phổ thông trong đời sống hàng ngày. Các lễ nghi thờ cúng, lễ hội có dấu hiệu bị mờ nhạt dần; kho tàng văn nghệ dân gian của mỗi tộc người cũng ít được thực hành hơn... Theo đó, ở một số tộc người, khi cái cũ, cái truyền thống bị suy thoái trong lúc chủ nhân của nó chưa đủ nội lực để tiếp nhận cái mới, dẫn đến sự “nhiều loạn” văn hoá và tất yếu, bản sắc văn hoá của cộng đồng dân cư đó trở nên nghèo nàn.

Quan hệ tộc người đã làm nảy sinh một hệ quả là tầng lớp trẻ chưa tiếp nhận bền vững những giá trị văn hóa truyền thống, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, chưa được bồi đắp một cách đầy đặn thì những làn sóng văn hóa bên ngoài tràn vào hằng ngày, hằng giờ đã khiến cho “bộ lọc” tiếp nhận của họ không đủ sức phân loại và trong nhiều trường hợp, họ sẽ bị lạc lõng, bối ngỡ trước những thang giá trị mới, từ đó dẫn đến việc tiếp nhận văn hóa hiện đại theo lối lai căng, học đòi. Và hệ quả như Alvin Toffler đã nói: “... nếu đặt một nền văn hóa mới chồng lên văn hóa cũ... một nền văn hóa bị cắt đứt với quá khứ” thì sẽ tạo ra sự “nhiều loạn” (Alvin Toffler, 1996: 18) trong tiếp nhận, mà ông gọi là “cú sốc văn hóa” (Alvin Toffler, 2002: 27).

3.3. Đến thực hành các hình thức tín ngưỡng, tôn giáo

a) Tác động đến việc thực hành các hình thức tín ngưỡng

Tín ngưỡng truyền thống của các tộc người là phương tiện tái sản xuất, duy trì và củng cố mối quan hệ cổ kết dòng họ và cổ kết tộc người: Các nghi lễ, nhất là nghi lễ tổ tiên của các tộc người đóng vai trò quan trọng trong việc tái sản xuất, duy trì, củng cố mối quan hệ dòng họ và sự cổ kết cộng đồng. Ở mỗi tộc người, khi bố mẹ còn sống, lễ cúng tổ tiên định kỳ vào dịp Tết cổ truyền do người bố hoặc người ông thực hiện. Những thành viên trong gia đình, kể cả những người đã kết hôn có gia đình riêng đều phải tham gia. Ngoài ra, trong năm có thể có những nghi lễ khác như: cúng thần rừng, lễ tang khi trong gia đình có người mất, giỗ (ở người Kinh, Tày,...), các thành viên trong gia đình và dòng họ đều phải có trách nhiệm tham gia và đóng góp vật chất, tuy nhiên mức độ đóng góp lại tùy thuộc vào từng nghi lễ, đặc biệt là phụ thuộc vào mối quan hệ của từng thành viên với các lễ đó. Do đó, mỗi lần tính số lượng vật chất cần phải đóng góp vào nghi lễ là một lần các thành viên dòng họ nhớ lại mối quan hệ trong dòng họ của mình. Nhờ đó mối quan hệ thân tộc và trách nhiệm giúp đỡ nhau luôn thường trực trong những người là anh em họ hàng của nhau. Hơn nữa, qua việc tham dự và chứng kiến các nghi lễ, các thành viên thuộc các thế hệ khác nhau được gặp và biết nhau, hiểu được mối quan hệ thân tộc mà họ có chung với nhau, biết được ai là ông tổ chung cụ thể của mình cũng như cách thức tiến hành nghi lễ. Vì vậy các nghi lễ tôn giáo, nhất là nghi lễ thờ cúng tổ tiên đóng vai trò như một phương tiện để tái sản xuất, duy trì và củng cố mối quan hệ dòng họ.

Ở người Tày, Nùng tại vùng biên giới Việt - Trung, tục thờ Thổ công có vai trò quan trọng trong việc cổ kết cộng đồng tộc người. Sự cổ kết này thể hiện ở hai yếu tố là tính *cộng mệnh* và tính *cộng cảm*. Tính *cộng mệnh* thể hiện ngay ở việc cả bản thờ chung một vị

Thổ công. Trong mọi hoạt động thờ cúng, cả thôn đều có ý thức tham gia một cách tự nguyện. Trong những lễ cúng, mọi người trong thôn đều tự giác đảm nhận và hoàn thành các công việc được giao một cách trách nhiệm vì mọi người đều có chung một tình cảm đã được “thiên hóa” là họ đang phục vụ Thổ công. Trong không gian linh thiêng của miếu, mọi người đều có chung mối *cộng mệnh* và người dân như được hòa mình vào trong thế giới thần linh, nơi đó những nguyện vọng của họ được thần linh chứng giám và giúp đỡ. Tính cộng cảm thể hiện qua các hoạt động văn hóa xung quanh bữa ăn tại miếu trong những dịp cúng, đặc biệt là lễ cúng ngày Tết Nguyên đán. Trong bữa ăn này, mọi người cùng chúc nhau chén rượu, cùng thưởng thức những món ăn đã được thần linh chứng giám. Bữa ăn tại miếu không còn là bữa ăn vật chất đơn thuần mà đã biến thành bữa ăn tinh thần, xung quanh mâm cỗ mọi người nói chuyện với nhau về những dự định trong sản xuất, những người có xích mích cũng nhờ bữa ăn cộng cảm này mà bỏ qua cho nhau. Có thể nói đây là bữa ăn của tình đoàn kết, của sự thống nhất về ý chí và bữa ăn của sự cố kết cộng đồng. Thờ cúng Thổ công đã góp phần vào việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa dân tộc Tày, Nùng. Tại miếu bên ly rượu và mâm cỗ liên hoan người ta cất lên những khúc hát dân ca như: sli, then, lượn; chơi những trò dân gian như: múa lân, lắc cò, tức kỳ... Đó chính là nhân tố góp phần lưu truyền những giá trị văn hóa tộc người từ thế hệ này đến thế hệ khác.

Trong hoàn cảnh xã hội nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, người dân đang có xu hướng trở về với những giá trị truyền thống trong các loại hình tín ngưỡng khác như: thờ thành hoàng, thờ các anh hùng dân tộc, thờ mẫu...

Những cộng đồng người Kinh tại vùng biên giới Việt - Trung và cư dân Tày - Nùng vẫn thường đến các ngôi đền, chùa, miếu vào những dịp rằm, mùng một hoặc các dịp lễ đặc biệt để thực hành những hoạt động tín ngưỡng. Đây là những liệu pháp về tinh thần giúp các thành viên tộc người được tìm về những giá trị tâm linh, được hướng về cội nguồn và được tiếp thêm “sức mạnh” để lao động.

Bên cạnh đó, việc thực hành tín ngưỡng truyền thống của các tộc người vùng biên giới Việt - Trung cũng có một số hạn chế, trong đó nhận thức của một bộ phận người dân về các giá trị văn hóa truyền thống trong lễ hội, tín ngưỡng có xu hướng lệch lạc... Người dân tham gia vào các hoạt động tín ngưỡng không bằng tâm thành kính, hướng về cội nguồn, mà mang tính chất vụ lợi, thực dụng. Tâm lý trông chờ vào sự trợ giúp của thần, thánh xuất hiện ở nhiều người và nhiều tầng lớp người trong xã hội. Hoạt động lễ hội, tín ngưỡng sôi động trở lại nhưng nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được duy trì hàng nghìn năm trong hệ thống tín ngưỡng đang bị phát triển thiên lệch.

Trong phạm vi gia đình, dòng tộc, ở vùng biên giới Việt - Trung, hiện tượng tế lễ, phúng điệu linh đình, cầu kỳ, tốn kém trong ma chay, giỗ chạp; hoạt động xem ngày, kén giờ để cử hành các nghi lễ tang ma; mời thầy cúng lập đàn cúng tế, lập ban thờ, xem hướng đặt mồ mả... diễn ra khá phổ biến.

Ở nhiều lễ hội, người dân đến với sinh hoạt tín ngưỡng chỉ mong cầu tài, cầu lộc, cầu may bằng mọi giá mà bỏ quên sự thành kính thần, thánh. Với tâm lý cầu may, cầu lộc của người đi hội nên lễ hội trở thành những đám đông hỗn loạn tranh cướp lộc thánh, thần, mong cầu điều lợi cho bản thân, bất chấp sự an toàn của cộng đồng.

Các dịch vụ xóc thẻ, bói quẻ, xin xăm, tử vi, tướng số, xem tuổi, đoán vận và một số dịch vụ hiện đại như: cho thuê đồ lễ, sắp lễ thuê, mang vác đồ lễ thuê và thậm chí là khăn thuê... nở rộ ở một số ngôi đền, chùa, miếu ở vùng biên giới. Không gian thiêng của lễ hội còn bị thương mại hóa bởi nạn tiền lễ vung vãi khắp trên các ban thờ, tượng thờ, khắp cả sân đình, đền, miếu, phủ. Bên trong cơ sở thờ tự hòm công đức bày la liệt, cùng với đó ở nhiều nơi còn có thêm những bàn ghi nhận công đức làm cho không gian thiêng của tín ngưỡng ngày càng nặng màu sắc thương mại.

b) Tác động đến việc thực hành các hình thức tôn giáo

Tác động tích cực đối với những người theo đạo thể hiện trên một số mặt như: góp phần vào thay đổi lối sống theo hướng tiến bộ hơn; đáp ứng nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng. “Theo đạo Tin lành giúp tín đồ giảm bớt những hủ tục trong tổ chức đám cưới, đám tang hay việc chữa bệnh. Chẳng hạn, khi có người chết, họ tổ chức mai táng trong thời gian 24 giờ, đám cưới cũng gọn nhẹ hơn, thuận tiện trong cuộc sống của tín đồ” (Vayong Moua, 1995, tr.14). Sinh hoạt tôn giáo giúp giới trẻ và phụ nữ có nhiều dịp gặp gỡ và chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống (thường vào sáng chủ nhật tại nhà cầu nguyện). Họ được thưởng thức và tham dự hát những bài thánh ca, hay những hoạt động văn hóa, văn nghệ, giúp tinh thần của họ vui tươi hơn. Về mặt kinh tế - xã hội, đức tin tôn giáo khuyến khích người Hmông trong làm ăn kinh tế. Môi trường sống của thôn bản cũng sạch sẽ, gọn gàng hơn. Bạo lực gia đình có biểu hiện giảm. Trong cộng đồng theo đạo Tin lành, người phụ nữ trở nên năng động và tích cực hơn trong việc tham gia các hoạt động xã hội và tôn giáo, phụ nữ Hmông có nhiều cơ hội tham gia các công việc trong cộng đồng và thể hiện mình hơn (Nguyễn Khắc Đức, 2015).

Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, mối quan hệ văn hóa của một bộ phận cư dân theo đạo Tin lành cũng có những hạn chế. Đạo Tin lành là một tôn giáo độc thần, coi Chúa trời là duy nhất, là nguồn gốc của mọi sự vật, hiện tượng trên thế giới. Đạo Tin lành phát triển vào cộng đồng người Hmông đã làm cho văn hóa truyền thống có phần bị “tôn hại”. Người Hmông theo Tin lành đã từ bỏ hầu hết những sinh hoạt tôn giáo truyền thống, kể cả việc thờ cúng ông bà, tổ tiên. Điều đó dễ tạo ra những xung đột văn hóa. Mâu thuẫn giữa người Hmông theo đạo Tin lành và không theo đạo nảy sinh ngay trong làng bản và gia đình (Nguyễn Khắc Đức, 2015).

Việc một bộ phận người dân từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để thay đổi theo tôn giáo đã làm mất dần vai trò của tín ngưỡng truyền thống. Phần văn hóa mất đi này gồm thế giới quan truyền thống, các nghi thức thờ cúng tổ tiên, cách thức tiến hành nghi lễ. Thêm vào đó, việc bỏ tín ngưỡng truyền thống để cải đạo đã gây ra sự phân chia và sự đối lập giữa nhóm cư dân theo tín ngưỡng truyền thống và nhóm cư dân theo đạo.

Việc từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo tôn giáo còn gây ra sự phân chia, đối lập, mâu thuẫn và căng thẳng, thậm chí xung đột trong nội bộ gia đình, dòng họ và cộng đồng tộc người. Trong gia đình có người theo và không theo đạo gây ra sự cãi cọ và mâu thuẫn, chia rẽ trong nội bộ gia đình. Một số thôn/ làng đã nảy sinh xung đột giữa hai nhóm lương và giáo. Vai trò của già làng, trưởng bản bị giảm sút, nhường chỗ cho “một tầng lớp mới” - những người tích cực truyền đạo mà tuổi đời hầu hết là thanh niên, trung niên. Tầng lớp thanh niên chịu ảnh hưởng của Vàng Trứ đã mất dần ý thức tiếp nhận

văn hóa truyền thống của cha ông. Lớp người cao tuổi, già làng, trưởng bản khó khăn hơn trong việc bảo ban, lưu truyền lại những giá trị văn hoá truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ (Lương Thị Bằng, 2020).

Đạo Tin lành còn gây ra sự phân chia, đối lập và căng thẳng trong nội bộ người Hmông giữa người theo và không theo đạo vì nó liên quan tới sự khác biệt trong thờ cúng, thực hành ky,... Trẻ em Hmông theo đạo Tin lành quan niệm chỉ cúi đầu trước Chúa nên vai trò của người già không còn được tôn trọng như trước. Sau khi từ bỏ tín ngưỡng đạo theo Tin lành, việc trao đổi hôn nhân của người Hmông thường diễn ra trong nội bộ các nhóm tôn giáo, rất khó khăn trong việc kết hôn ngoại đạo (Lương Thị Bằng, 2020).

Việc tiếp nhận các nguyên tắc của Công giáo như không tham dự các nghi lễ tổ chức theo tín ngưỡng truyền thống vào xã hội các tộc người ở vùng biên giới Việt - Trung thiếu sự điều chỉnh cho phù hợp với các truyền thống văn hóa riêng của tộc người cũng gây ra sự phân chia, đối lập và căng thẳng giữa những người là anh em bà con với nhau nhưng theo các tín ngưỡng khác nhau.

Nhận thức của những người theo “hiện tượng tôn giáo mới” đôi khi thái quá và sai lệch về đường lối chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước (như hiện tượng Dương Văn Minh). Do đó, họ dễ bị các thế lực xấu lợi dụng, xúi giục, dẫn đến hành vi chống đối, làm mất uy tín của Đảng...; gây phương hại đến sự ổn định chính trị, ảnh hưởng đến khối đoàn kết cộng đồng các dân tộc; đến sự lãnh đạo, quản lý xã hội của Đảng, Nhà nước, làm cho hệ thống chính trị cơ sở giảm hiệu lực, mất uy tín. Thậm chí, một số “hiện tượng tôn giáo mới” bị biến thành công cụ của các thế lực thù địch, nhận sự chỉ đạo, hỗ trợ về vật chất, tinh thần của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước. Hoạt động của các “hiện tượng tôn giáo mới” đã gây ra những ảnh hưởng nhất định về kinh tế. Trước hết là tổn thất về kinh tế cho chính bản thân những “tín đồ” theo “hiện tượng tôn giáo mới”. Không ít người theo các “hiện tượng tôn giáo mới” đã phải bỏ công việc để tham gia hoạt động của “đạo”; một số người có sức khỏe yếu, bệnh tật hiểm nghèo tìm đến với các “hiện tượng tôn giáo mới” để nuôi hy vọng chữa khỏi bệnh nên đã phải bỏ ra kinh phí lớn. Một số người đứng đầu hoặc có vai trò chủ chốt trong các “hiện tượng tôn giáo mới” đã thu tiền trái phép của “tín đồ”, thậm chí dùng tiền của “tín đồ” để tư lợi. Những người theo những “đạo” này thường là những gia đình có hoàn cảnh éo le, khó khăn về kinh tế phải đóng góp tiền bạc một cách mù quáng cho những đối tượng cầm đầu thu lợi bất chính sẽ làm cho kinh tế gia đình họ ngày càng giảm sút, làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung của xã hội.

4. Kết luận

Vùng biên giới Việt - Trung là địa bàn cư trú lâu đời của nhiều tộc người thiểu số, là mảnh đất định cư của nhiều người Kinh ở miền xuôi di cư lên. Mỗi tộc người có những sắc thái văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo riêng,... là yếu tố quan trọng nhằm duy trì và giữ vững bản sắc văn hóa tộc người, tăng cường tính cố kết cộng đồng, dòng họ và gia đình. Mỗi quan hệ văn hóa trong nội bộ tộc người của các dân tộc ở khu vực này về cơ bản vẫn là hòa hợp và đoàn kết. Sự giao thoa văn hóa phần nào tạo đà cho sự phát triển của mỗi cá nhân, hộ gia đình trong các tộc người. Bên cạnh đó cũng xuất hiện một số xung đột quan điểm

giữa một bộ phận cư dân duy trì tín ngưỡng truyền thống với cư dân chuyển đổi theo tôn giáo hiện đại. Dưới tác động của kinh tế thị trường, mức độ cố kết cộng đồng ở các tộc người có phần lỏng lẻo, bản sắc văn hóa tộc người có dấu hiệu phai nhạt ở một số thành tố. Để tăng cường mối quan hệ cố kết cộng đồng và giữ gìn, phát huy tốt hơn nữa các giá trị của văn hóa tộc người, việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa ở mỗi tộc người cần được đặt trong thiết chế văn hóa quốc gia để mỗi người dân vùng biên thấy tự hào về văn hóa của tộc người mình, duy trì được sự gắn gũi và củng cố ý thức cội nguồn tộc người.

Tài liệu tham khảo

- Alvin Toffler. (1996). *Đợt sóng thứ 3*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Alvin Toffler. (2002). *Cú sốc tương lai*. Nxb. Thanh niên.
- Lương Thị Bằng. (2020). Những ảnh hưởng cơ bản của đạo Tin lành đối với đồng bào dân tộc H'Mông tại Cao Bằng. *Trang Thông tin Điện tử Trường Chính trị Hoàng Đình Gióng tỉnh Cao Bằng*. <http://truongchinhtri.caobang.gov.vn/index.php/news/Nghien-cuu-khoa-hoc/Nhung-anh-huong-co-ban-cua-dao-Tin-lanh-doi-voi-dong-bao-dan-toc-HMong-tai-Cao-Bang-837/>
- Lý Viết Trường. (2017). Thổ công và tục thờ Thổ công của người Tày, Nùng xã Thạch Đạn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*. số 3&4.
- Nguyễn Khắc Đức. (2015). Đạo Tin lành ở người H'Mông Tây Bắc nước ta. *Tạp chí Lý luận chính trị*. số 2.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. (2021). *Báo cáo đánh giá thực trạng sử dụng tiếng nói chữ viết các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng*. Số 163/BC-SVHTTDL ngày 26/7/2021.
- Vayong Moua. (1995). *Hmong Christianity: Conversion, Consequence, and Conflict*. St. Olaf College; Northfield, Minnesota (Hmong Electronic Resources Project).